

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 03 năm 2022

“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhân – Ông Trần Lê Anh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H. Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 30 tháng 03 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 298/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐST- HNGĐ ngày 15/03/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T - sinh ngày 10/08/1981

Trú tại: Xóm 3, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

- Bị đơn: Chị Bùi Thị M - sinh ngày 10/09/1982.

Trú tại: Xóm 3, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn, bị đơn thì vụ án có nội dung.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị M cưới nhau vào tháng 6/2000, hôn nhân trên cơ sở tình yêu, tự nguyện, do lúc đó anh T chưa đủ tuổi kết hôn, nên chị M, anh T không đến chính quyền địa phương làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tháng 12/2000 anh T, chị M đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 36 ngày 30/12/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không phù hợp, quan điểm

sống vợ chồng khác nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, nên đã có những hành động, lời nói thiếu tôn trọng nhau. Ngoài ra chị M còn cho rằng anh T không chung thủy với vợ, có quan hệ với người phụ nữ khác, không hề thương yêu vợ con, không có ý thức xây dựng hôn nhân bền vững đối với chị M. Do những mâu thuẫn trên nên vợ chồng có những xử sự không đúng mực với nhau. Mâu thuẫn xảy ra liên tục trong cuộc sống chung làm mất tình cảm vợ chồng, hôn nhân đổ vỡ. Sau khi phát sinh mâu thuẫn thì vợ chồng đã tự hòa giải và gia đình đã hòa giải cho vợ chồng với mục đích để níu kéo hôn nhân nhưng không đưa lại kết quả gì, ngược lại mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng trầm trọng hơn. Do mâu thuẫn đã làm cho không khí trong cuộc sống chung của vợ chồng lúc nào cũng căng thẳng, nặng nề gây khó chịu cho nhau, nên vợ chồng đã sống ly thân cắt đứt các quan hệ từ đầu năm 2020 đến nay. Quá trình hòa giải anh T xác định không còn tình cảm đối với chị M nữa, hôn nhân giữa anh T và chị M đã hoàn toàn đổ vỡ, anh T đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn chị Bùi Thị M. Mặc dù mâu thuẫn trầm trọng, mất hết tình cảm đối với chồng nhưng chị không đồng ý ly hôn anh T, chị M đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Văn T, chị Bùi Thị M có 03 con chung cháu Nguyễn Văn T (Giới tính: nam), sinh ngày 09/8/2001, cháu Nguyễn Thị T (Giới tính: nữ), sinh ngày 24/8/2003 và cháu Nguyễn Thị Thu H (Giới tính: nữ), sinh ngày 28/10/2016. Con đầu của vợ chồng hiện đang đi xuất khẩu lao động, hai con chung còn lại hiện đang sinh sống với chị M. Anh T đồng ý giao con chung chưa trưởng thành cháu Nguyễn Thị Thu H (Giới tính: nữ), sinh ngày 28/10/2016 cho chị Bùi Thị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hai con chung đã trưởng thành anh T, chị M không yêu cầu tòa giải quyết. Chị M đề nghị giao con chung chưa trưởng thành cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đ. Anh T cho rằng với mức cấp dưỡng mà chị M yêu cầu là quá cao, anh T đề nghị xem xét quyết định về tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Anh Nguyễn Văn T, chị Bùi Thị M không yêu cầu tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T, chị Bùi Thị M đảm bảo đúng quy định của pháp luật, hôn nhân giữa anh T, chị M có quá trình tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện đến với nhau, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số:46 ngày 30/12/2000 nên hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T, chị Bùi Thị M là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T, chị Bùi Thị M tan rã, đổ vỡ là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung hôn nhân, trong quá trình chung sống vợ chồng đã có nhiều xử sự thiếu tôn trọng nhau. Việc chị M cho rằng anh T có quan hệ trai gái ngoài luồng là nguyên nhân anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị không có cơ sở, không có gì để chứng minh. Quá trình hòa giải anh T, chị M đều thừa nhận rằng vợ chồng đã mâu thuẫn từ năm 2010, nguyên nhân chủ yếu là do tình tình hai bên không hợp, năm 2020 thì vợ chồng sống ly thân, chị M có ý thức níu kéo hôn nhân đối với anh T nhưng không có kết quả gì. Tại phiên tòa chị M cũng xác định không còn tình cảm đối với anh T nữa điều này cho thấy tình cảm vợ chồng đã mất, hôn nhân giữa anh T, chị M đã hoàn toàn đổ vỡ, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của các bên. Nay anh Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M là có căn cứ, cần xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T đối với chị Bùi Thị M.

- Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Văn T, chị Bùi Thị M có 03 con chung, hiện nay có hai con đã trưởng thành, các cháu không có nhược điểm về thể chất, tinh thần vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết đối với con chung đã trưởng thành của anh T, chị M. Đối với con chung chưa trưởng thành anh T, chị M đều có yêu cầu, nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi cháu là phù hợp pháp luật và đạo đức xã hội. Tuy nhiên xét thấy con chung chưa trưởng thành của anh T, chị M hiện nay còn nhỏ, dưới 7 tuổi, đang cần sự chăm sóc của người mẹ nên chị M yêu cầu giao con chưa thành niên cho chị M nuôi là có căn cứ, cần xử chấp nhận việc đề nghị giao con của chị M, giao con chung cháu Nguyễn Thị Thu H (Giới tính: nữ), sinh ngày 28/10/2016 cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Người không trực tiếp nuôi con, phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên khi được Tòa án giải quyết ly hôn. Chị Bùi Thị M yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp với điều kiện hiện nay của anh T, nên cần buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng 1.500.000

đồng.

- Về quan hệ tài sản: Anh Nguyễn Văn T , chị Bùi Thị M không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; 81,82, 83, điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Bùi Thị M.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thị Thu H (Giới tính: nữ), sinh ngày 28/10/2016 cho chị Bùi Thị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành.

Buộc anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Bùi Thị M mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ tháng 03/2022 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Bùi Thị M làm đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nói trên, nếu anh Nguyễn Văn T không thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Văn T người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm, nhưng được tính trừ 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai số:

0010961 ngày 26/11/2021, anh Nguyễn Văn T còn phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp Bản án định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã T(Nơi ĐKKH)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc